

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến hạt điều và ép dầu điều Trương Gia, quy mô 10.000 tấn nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Minh Đoàn làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến hạt điều và ép dầu điều Trương Gia, quy mô 10.000 tấn nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Minh Đoàn làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số CV-11/MĐ-ĐTM ngày 16/11/2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 825/TTr-STNMT ngày 26/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến hạt điều và ép dầu điều Trương Gia, quy mô 10.000 tấn

nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Minh Đoàn (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Thuận Lợi, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Minh Đoàn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-65-QĐPD-TNMT).



Trần Tuệ Hiền

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến hạt điều và ép dầu điều Trương Gia, quy mô 10.000 tấn nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Minh Đoàn làm chủ đầu tư
(Kèm theo Quyết định số 3039./QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy chế biến hạt điều và ép dầu điều Trương Gia, quy mô 10.000 tấn nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Minh Đoàn làm chủ đầu tư.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV Minh Đoàn.

Công ty TNHH MTV Minh Đoàn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3800427036 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/9/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/10/2015.

Trụ sở chính: 141, thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Minh Đoàn, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 7.000 m² với quy mô 10.000 tấn nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chế biến hạt điều và ép dầu điều từ vỏ hạt điều.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu nhà xưởng, khu văn phòng và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Gồm bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công; khí thải từ hoạt động cơ khí; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải; bụi, khí thải máy phát điện dự phòng; bụi, khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi; bụi, mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều trong quá trình sản xuất; nước thải sinh hoạt; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải



lò đốt; nước xả cặn đáy nồi hơi; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,1 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất cát...

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nito, tổng photpho, tổng coliform...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 1,35 m³/ngày; thành phần chủ yếu là BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, nitrat, chất hoạt động bề mặt, photphat, tổng coliforms...

- *Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải*: Lưu lượng phát sinh khoảng 08 m³/lần xả. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải từ quá trình xả cặn đáy nồi hơi*: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,5 m³/lần xả. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình thi công san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền là 0,36 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng*: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện thi công trên công trường*: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO, SO₂.

- *Khí thải từ các hoạt động cơ khí (hàn, cắt, xì kim loại)*: Thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO_x.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, HC, CO.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO₂, CO...

- *Bụi, khí thải từ lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Bụi, mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh trong quá trình sản xuất*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, H₂S, phenol.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh khoảng 51,5 kg/ngày và giảm dần vào cuối giai đoạn xây dựng, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, cát, đá...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 4,5 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 13,5 kg/ngày, thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, xương, nylon, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn sản xuất không nguy hại*: Khối lượng phát sinh khoảng 27.505 kg/ngày, thành phần bao gồm bã vỏ hạt điều và cặn lắng, bao bì, bao tay nylon, tro xỉ...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 12 kg/tháng bao gồm giẻ lau, bao tay dính hóa chất, dầu nhớt thải, bao bì cứng bằng kim loại...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 21 kg/tháng bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, hộp mực in thải có các thành phần nguy hại...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng sơ bộ có kích thước 3,5 m x 1,5 m x 1,5 m. Bụi, đất, cát... có trong nước thải được lắng xuống, phần nước sau lắng được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, rửa xe và tưới đường để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn để sử dụng chung cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành với thể tích mỗi bể là 06 m³.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, rửa xe và tưới đường để giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất 05 m³/ngày.đêm có quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Bể thu gom → Bể sinh học hiếu khí bao gồm cụm màng sinh học MBR → Khử trùng trên đường ống nước và dẫn về bồn chứa nước thải sau xử lý → Nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt sau đó được tái sử dụng để tưới cây.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án:

| Công trình | Kích thước (m) (dài x rộng x sâu) | Thể tích (m ³) | Thời gian lưu nước (ngày) | Số lượng | Vật liệu xây dựng |
|--|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------|------------------------------------|
| Bể thu gom | 02 x 01 x 2,5 | 05 | 3,3 | 01 | Bê tông, quét sơn chống thấm |
| Bể sinh học hiếu khí bao gồm cụm màng sinh học MBR | 2,5 x 02 x 2,5 | 12,5 | 8,3 | 01 | |
| Bồn chứa nước thải sau xử lý | 3,28 x 1,42 x 1,56 | 7,27 | 4,8 | 01 | Inox 304 |

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ hệ thống xử lý khí thải:*
Lưu chứa lượng nước này trong bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải, kích thước: dài x rộng x cao = 04 m x 1,5 m x 1,5 m, kết cấu bê tông cốt thép quét sơn chống thấm, phần nước trong được tái sử dụng cho quá trình xử lý khí thải, phần cặn được hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định. Khoảng 01 tháng Chủ Dự án thải lượng nước này một lần, mỗi lần thải bỏ là 08 m³. Lượng nước thải bỏ được Chủ Dự án hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình xả cặn đáy nổi:* Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt sau đó tái sử dụng để tưới cây trong khuôn viên Dự án. Đối với nước thải từ hệ thống xử lý khí thải (khoảng 01 tháng thải bỏ một lần), nước thải từ quá trình xả cặn đáy nổi, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt, sơn, xi kim loại:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bê tông hóa diện tích các sân bãi và đường nội bộ trong khuôn viên nhà máy, sử dụng nguyên liệu đúng với động cơ, định kỳ bảo dưỡng phương tiện, không cho xe nổ máy trong khi chờ nhập nguyên liệu, xuất sản phẩm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh trong quá trình sản xuất:* Thường xuyên quét dọn, vệ sinh nhà xưởng; bố trí nhà xưởng thông thoáng; thiết kế, lắp đặt dây chuyền ép dầu điều tại khu vực riêng biệt; bố trí khu vực ép dầu điều thoáng mát, tránh nhiệt độ cao; trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc; trồng cây xanh xung quanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ lò đốt:* Khí thải từ lò đốt → Cyclone thu bụi → Bể hấp thụ (dung dịch hấp thụ là nước) → Ống khói → Khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT ($k_p = 1$, $k_v = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đốt như sau:

| STT | Tên hạng mục/ thiết bị | Thông số kỹ thuật | Số lượng | Cấu tạo |
|-----|--|---|----------|---|
| 1 | Cyclone | Rộng: 01 m; cao: 04 m; số lượng cyclone đơn: 01 cái | 01 | Thép |
| 2 | Quạt hút khí thải | Công suất: 01 HP; lưu lượng lớn nhất 300 m ³ /giờ | 01 | - |
| 3 | Bể hấp thụ (dung dịch hấp thụ là nước) | Kích thước: dài x rộng x cao = 04 m x 1,5 m x 1,5 m | 01 | Bê tông cốt thép quét sơn chống thấm |
| 4 | Ống khói | Đường kính: 20 cm; cao: 08 m | 01 | Thép |

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Sử dụng đúng nhiên liệu; bố trí khu hoạt động của máy phát điện riêng biệt; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Khí thải từ lò đốt và khí thải từ máy phát



điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT ($k_p = 1, k_v = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường. Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải rắn không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào 02 thùng chứa có dung tích 120 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít đặt trong khuôn viên nhà máy; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sản xuất:* Lượng bã điều sau khi ép được lưu trữ trong khu vực nhà xưởng có mái che, tường bao quanh bằng bê tông, có độ cao 1,5 m; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn thông thường:* Thu gom và lưu chứa chất thải rắn thông thường tại kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 09 m² có kết cấu nền bê tông, tường bao quanh, mái lợp tôn; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn từ hệ thống xử lý nước thải và cặn lắng từ bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải:* Được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn

sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào 03 thùng chứa chất liệu HDPE có dung tích 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn được đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 09 m² có mái che, tường bao quanh và nền quét sơn chống thấm... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại (nhà chứa chất thải nguy hại này sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn hoạt động). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa, có dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 09 m² với kết cấu tường bao quanh bằng gạch, mái lợp tôn, có mương và hố thu gom chất thải tràn đổ dạng lỏng... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, ít gây tiếng ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực thi công, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây

dụng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa:* Sử dụng các giải pháp thông gió tự nhiên; bố trí quạt thổi mát cho những nơi phát sinh nhiều nhiệt; trồng thêm cây xanh, cây cảnh xung quanh...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải và khí thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc thiết bị phục vụ cho hệ thống xử lý đều có thiết bị dự phòng; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình; định kỳ lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải, khí thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý...

- *Biện pháp ứng phó đối với nước mưa nhiễm dầu:* Nước mưa nhiễm dầu điều sau khi qua các hố ga được dẫn qua 02 ngăn lắng nước mưa kết hợp gạt dầu điều, với kích thước lần lượt là: 06 m x 3,8 m x 3,2 m và 4,5 m x 3,8 m x 3,2 m, kết cấu bê tông cốt thép, quét sơn chống thấm. Định kỳ nạo vét rác, bùn, cặn lắng. Hộp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn thải.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố tràn dầu:* Thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập nguyên liệu; xây dựng mương thu hồi ở phía trong kho nguyên liệu, bã vò, khu bồn chứa dầu điều thành phẩm, kích thước: rộng 20 cm, sâu 20 cm, cách tường 10 cm dẫn về hố ga có kích thước: rộng 0,5 m, cao 0,3 m, kết cấu xi măng có quét sơn chống thấm.

- *Biện pháp ứng phó đối với sự cố cháy nổ:* Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện; lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định; bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống...

- Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình xử lý bụi và khí thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO_x, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

*** Giám sát khí thải lò đốt:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, NO₂, SO₂, CO.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1, k_v = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

*** Giám sát không khí khu vực sản xuất:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực sản xuất.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO_x, CO, H₂S, phenol.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại bồn chứa nước thải sau xử lý.

- *Thông số giám sát:* pH, tổng chất rắn lơ lửng, tổng chất rắn hoà tan, sulfua, BOD₅, COD, amoni, nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi

trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án.

6.3. Chủ Dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất, nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu.

Trường hợp trong quá trình vận hành, nếu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải, môi trường không khí khu vực sản xuất, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải không đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định, Chủ Dự án phải thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo/thay đổi các biện pháp bảo vệ môi trường cho phù hợp.

Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.4. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 158/UBND ngày 02/10/2020 của UBND xã Thuận Lợi về việc ý kiến tham vấn của Dự án Nhà máy chế biến hạt điều và ép dầu điều Trương Gia, quy mô 10.000 tấn nguyên liệu hạt điều/năm và 11.000 tấn vỏ hạt điều/năm tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 02/10/2020 tại Hội trường UBND xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.5. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.6. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.7. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

